

**LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA
CHUÔNG TRỐNG BÁT NHÃ
TK.Thích Giác Duyên**

--- o0o ---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 29-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

- I. Nguồn gốc và ý nghĩa của tiếng Chuông
- II. Nguồn Gốc của Mõ và ý nghĩa
- III. Nguồn gốc và ý nghĩa của Trống
- IV. Vài ý tưởng khác

---o0o---

Chuông trống là một trong các loại pháp khí của Phật giáo. Sở dĩ gọi là Bát-nhã (phiên âm của chữ “prajnaa” (S) có nghĩa là “trí tuệ”) vì công năng của chúng là để thức tỉnh lòng người, có khả năng đánh động tâm linh của người nghe. Chuông Trống Bát-nhã là danh từ chung để chỉ cho đại hồng chung (chuông rất lớn) và trống lớn, thường được đặt hai bên trái phải của chánh điện, theo cách “tả chung hữu cổ” nghĩa là bên trái đặt chuông, bên phải đặt trống. Nhiều chùa còn xây tháp an trí chuông và trống, nên nơi đặt chuông trống là “lầu chuông trống”.

I. Nguồn gốc và ý nghĩa của tiếng Chuông

Nhiều nguồn tài liệu khác nhau đều cho rằng quá trình đưa chuông vào tự viện và được sử dụng rộng rãi trong các chùa chiền Trung Quốc vào thời kỳ nào không được xác định. Tuy nhiên, như sử liệu ghi lại chuông đã được sử dụng vào thời nhà Chu (557 trước TL- 89 TL). Phật giáo Trung Hoa đã đưa Chuông và Trống vào các tự viện năm nào và do ai đề xướng, hiện nay chúng tôi chưa tìm ra tài liệu. Tài liệu về lịch sử của chuông và trống Bát-nhã quả thật là quý hiếm. Tuy nhiên, chúng tôi dựa vào một số tài liệu sau để tạm truy nguyên nguồn gốc của chúng.

Cuốn Quảng Hoàng Minh Tập (số 2103) trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh ghi rằng vào thời Lục Triều (420 - 479) đã có nhiều lầu chuông. Năm Thiên Hoà thứ 5 (566) đời Bắc Châu, bài Nhị Giáo Chung Minh được khắc trên ba đại hồng chung lớn nhất thời bấy giờ. Hai cái trong 3 cái này được đúc vào năm 570 và 665 TL.

Tục Cao Tăng Truyện có ghi năm thứ 5 đời Tuỳ Đại Nghiệp (609), ngài Trí Hưng nhận lo việc chuông tại chùa Thiên Định ở kinh đô Trường An. Trong khoảng thời gian này và trở về sau, Bắc Châu không ngừng đúc hồng chung để an trí trong các tự viện.

Lại nữa, theo truyền thuyết cho rằng hồng chung là do Hoà Thượng Chí Công khởi xướng và vua Lương Võ Đế (thế kỷ thứ VI) thực hiện để cầu nguyện cho các thần thức bị đọa trong chốn địa ngục mà người Hoa gọi là chốn U Minh.

Có hai loại chuông thường được sử dụng trong các chùa chiền, tự viện như sau:

Phạn Chung (chuông Phạn): Cũng gọi là “đại chung”, “hồng chung”, “hoa chung” hoặc “cự chung”. Chuông này được đúc bằng đồng xanh pha ít sắt. Thông thường chuông cao khoảng 1,5m, đường kính khoảng 6 tấc. Loại này treo trong lầu chuông, mục đích thỉnh chuông là để chiêu tập đại chúng hoặc báo thời sớm tối. Người Việt mình thường dùng từ “đại hồng chung” chỉ cho loại chuông thật to, gần như không còn có quy định cụ thể là rộng hẹp bao nhiêu nữa. Chuông này còn gọi là chuông U Minh.

Bán chung (chuông bán): Vì chiều kích chỉ lớn bằng 1/2 chuông phạn, nên gọi là bán chung, còn được gọi là “hoán chung” hoặc “tiểu chung.” Chuông này thường được đúc bằng đồng, cao khoảng 6 đến 8 tấc, thường để tại 1 góc trong chánh điện và được sử dụng trong các buổi pháp hội, nên còn có tên khác là “hành lễ chung.” Người Việt Nam cũng như các nước khác ngày nay cũng linh động chế tạo nhiều loại chuông dạng “bán chung” này, nhưng cũng không có kích thước cố định.

Về thỉnh chuông, xưa ở Trung Quốc tùy mỗi Tông phái, từng địa phương mà quy định có khác nhau, nhưng tổng quát là khi bắt đầu thỉnh 3 tiếng và khi kết thúc đánh nhanh 2 tiếng hoặc 3 hồi chín tiếng cho các loại chuông nhỏ khi tụng kinh. Số lượng tiếng thường là 18, cũng có khi thỉnh 36 tiếng, 108 tiếng. Thỉnh 108 tiếng biểu thị hành giả nỗ lực làm vơi cạn đi 108 loại phiền

não nơi nội tâm. Mười tám tiếng là biểu thị sự thanh lọc 6 căn, 6 trần và 6 thức.

Ngoài ra, trong thời cực thịnh của Thiền Tông, chuông an trí tại thiền đường, trai đường gọi là “chuông tăng đường”, “chuông trai”; chuông để tại chánh điện gọi là “chuông điện”... Những vị lo việc chuông này gọi là “chung đầu.”

Theo niềm tin cho rằng tiếng vang của chuông có thể thấu đến cõi địa ngục u ám, chúng sanh nào bị đọa nơi địa ngục nhờ nghe tiếng chuông này liền được giải thoát. Lại nữa, tiếng chuông thanh thoát của chùa có thể giúp cho loài quỷ đói được nhẹ bớt lòng tham lam, sân hận mà giải thoát khỏi kiếp ngạ quỷ. Ở các ngôi chùa Việt Nam hiện nay cũng như các chùa Trung Quốc thời xưa hoặc các chùa thuộc các nước theo Phật giáo Đại Thừa như Nhật Bản, Triều Tiên. ...thường có quả chuông lớn để thỉnh vào hai buổi sáng tối trong ngày khi cầu nguyện. Giờ thỉnh chuông buổi sáng lúc 4 giờ hoặc trước thời công phu buổi sáng, tùy theo quy định của mỗi chùa. Người thỉnh chuông vừa đánh chuông vừa đọc bài kệ:

Nguyện thử chung thỉnh siêu pháp giới,
Thiết vi u ám tất giai văn.
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông,
Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác.

Nghĩa là:

Nguyện tiếng chuông này khắp pháp giới, thiết vi u ám cùng nghe được, căn cảnh thanh tịnh chứng viên thông, hết thảy chúng sanh thành chánh giác. (Bản dịch của Hòa Thượng Trí Quang, LUẬT SA-DI, SA-DI-NI, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, 1989).

Dịch thơ:

1.
Nguyện tiếng chuông vang rền pháp giới
Chúng sanh ngục Sắt thảy đều nghe
Tiếng đời sạch, chứng được viên thông
Tất cả muôn loài đều giác ngộ.

(Thích Nhật Từ dịch)

2.

Tiếng chuông nguyện vang rền các cõi
Núi Thiết Vi tắm tối nghe hay
Âm thanh đời lắng sạch thay
Chúng sanh giác ngộ, tỏ bày an nhiên.

(Thích Nhật Từ dịch)

---o0o---

II. Nguồn Gốc của Mõ và ý nghĩa

Theo sách Tam Tài Đồ Hội của Vương Tích đời Minh có đoạn: “Mõ là loại mà dùng cây khắc thành hình con cá, rỗng bên trong, gõ nó sẽ phát ra tiếng, các hàng Phật tử khi tán tụng đều dùng đến nó.”

Mõ có 2 loại:

Loại hình con cá dài thẳng treo ở nhà kho, nhà ăn...khi đến thời dùng cơm cháo thì gõ nó để báo hiệu. Loại mõ này chỉ dùng trong các chùa cổ Trung Quốc; các chùa chiền, tự viện ở Việt Nam không dùng.

Loại hình con cá có vảy cuộn tròn, khi tụng Kinh thì gõ. Loại này cả Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Triều Tiên đều dùng. Loại mõ này được nói là xuất hiện thuộc triều đại nhà Minh, Trung Hoa.

Theo sách Tham Thiên Ngũ Đài Sơn Ký (quyển 3), Tống Thần Tông, Hy Ninh năm thứ 5 ngày mùng 8 tháng 8 ghi: Trong chùa Thanh Thái có thờ tượng ngài Phó Đại Sĩ. Mỗi khi Ngài muốn gặp các vị tu hạnh đầu-đà nơi cao sơn, chỉ gõ mõ, chư vị sau khi nghe tiếng mõ ấy liền đến. Sau đó, các tự viện lớn nhỏ dưới chân núi đều dùng mõ để tập hợp đại chúng. Lại có người cho rằng mõ là do Sa-môn Chí Lâm đời Đường tạo ra, nhưng điều này cũng không lấy gì làm chắc, vì không có sử liệu rõ ràng. Sách Tăng Tu Giáo Uyển Thanh Quy (quyển hạ, phần pháp khí) có ghi lại truyền thuyết rằng có một vị Tăng do phản thầy, huỷ pháp mà bị đọa làm thân cá, trên lưng con cá ấy lại mọc một cái cây, mỗi khi sóng to gió lớn, khiến thân ra máu, thật thống khổ vô cùng. Một lần nọ, vị Thầy Bồn Sư qua biển, nhân đó nó muốn đòi nợ liền

nói rằng: Thầy không dạy bảo nó nên nó mới phải bị đọa làm thân cá như thế này, do đó nay nó muốn báo oán. Thế rồi, vị Thầy ấy bảo cá nên ăn năn sám-hối, Thầy ấy cũng vì con cá mà cầu siêu chú nguyện và ngay đêm ấy nó được hóa kiếp. Vị Thầy Bồ Sư liền đem cây ấy đẽo thành hình con cá và treo lên để cảnh tỉnh đại chúng. Có thể vì lý do này các mõ tròn sau này cũng hay khắc hình con cá trên mõ để cảnh tỉnh đại chúng.

Theo sách Thích Thị Yếu Lâm ghi rằng: chuông, khánh, bản đá, bản gỗ, mõ đều có khả năng phát ra âm thanh một khi gõ vào và nhờ nghe đó mà đại chúng tập hợp nên các loại đó đều gọi là kiền chùy.

Sách Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy, chương Pháp Khí cũng nói khi dùng cơm hoặc khi phở thỉnh chúng tăng đều gõ mõ. Từ đây chúng ta có thể hiểu lúc đầu mõ dài (loại 1) được dùng để tập hợp Tăng chúng.

Nhưng vì sao cả 2 loại mõ đều khắc hình con cá? Sách Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy nói rằng vì loài cá suốt ngày đêm đều tỉnh, nên khắc hình con cá để mỗi khi gõ, chúng ta tự nhắc mình phải tỉnh thức, chớ có hôn trầm, giải đãi.

Tiếng mõ với mục đích chính là giữ trường canh cho đại chúng khi tụng kinh điển cho nhịp nhàng.

---o0o---

III. Nguồn gốc và ý nghĩa của Trống

Trống là một trong những loại nhạc khí, thường làm bằng đá, cây, đồng, v.v...Xưa tại Ấn Độ dùng để báo thời gian, cảnh báo. Khi Đức Phật còn tại thế, dùng nó để tập hợp chúng Tăng Bô-tát, nghe pháp...Ngũ Phần Luật có ghi: “chư Tỳ-kheo bố - tát, chúng bất thời tập. Phật ngôn: nhược đả kiền chùy, nhược đả cổ...”. Trung Quốc thời xưa dùng nó trong các dịp lễ lộc, vũ hội...Loại hình có to, nhỏ, treo hoặc để trên giá...Trống to gọi là trống tẩu, nhỏ gọi là trống ứng, treo để đánh gọi là trống treo...

Từ đời Đường về sau, theo thanh quy của thiền môn, trống là một trong những loại pháp khí dùng làm hiệu lệnh báo thời sớm tối. Sau này Phật giáo Trung Quốc tiến thêm bước nữa là phối hợp nhịp điệu, âm thanh của tiếng trống hòa cùng những lời tán tụng, phổ thành nhạc điệu, gọi là “kỹ nhạc

cúng dường, trang nghiêm đạo tràng”, dùng âm thanh làm Phật sự, trợ giúp đại chúng phát tâm thành kính với Tam Bảo.

Ai đã đưa trống vào tự viện? Năm nào? Chúng tôi chưa tìm ra tài liệu để đưa ra một giả thuyết khả dĩ. Tuy nhiên, dựa vào bản dịch bài Thiền Sư Đại Điền và Hàn Dũ thời Đường Hiến Tông năm 820, chúng ta thấy chuông và trống đã được sử dụng rộng rãi trong các nghi lễ Phật giáo. Do đó, ít nhất chúng ta đoán được là trước năm 820, trống đã được đưa vào chùa để làm pháp khí.

Ngày nay, có một vài nghi thức tán tụng ở miền Trung và miền Nam sử dụng trống nhỏ để hỗ trợ cho quý Thầy khi tán tụng. Các loại nghi thức tán tụng này có lẽ cũng chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc, vì các thời tụng niệm của Phật giáo Trung Quốc đều có tán, và loại trống nhỏ này (người Việt mình hay gọi là Trống Cơm) cũng được xem như một loại pháp khí.

Cách đánh Trống Bát-nhã và ý nghĩa biểu trưng:

- Mới đầu đánh nhập 2 tiếng: biểu thị NHỊ ĐẾ dung thông (pháp thế gian và pháp xuất thế gian dung thông, không ngăn ngại).
- 3 tiếng tiếp (mỗi lần 1 tiếng): tượng trưng cho sự khầu đầu quy y TAM BẢO, nguyện dứt trừ tam độc: tham, sân si.
- 7 tiếng sau đó (vì tiếng thứ 7 và 8 đánh gấp, tính gộp thành 1 tiếng), tượng trưng cho BÁT NHÃ HỘI THỈNH PHẬT THƯỢNG ĐƯỜNG, tức tác pháp thỉnh Phật thăng toà.
- Nếu 7 tiếng này tính thành 8 tiếng: tượng trưng cho câu “MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐÀ” hoặc BÁT NHÃ HỘI THỈNH PHẬT LAI CHỨNG MINH, tức tác pháp thỉnh Phật chứng minh.
- Cuối cùng đánh dứt 4 tiếng: tượng trưng cho chúng nhập TỨ ĐẾ.

---o0o---

IV. Vài ý tưởng khác

1) Vai ý niệm về việc sử dụng chuông, trống, khánh tại Ấn Độ và các nước khác

Theo cuốn A Dictionary of Symbols (London, 1962, trang 23) cho rằng âm thanh của chuông là biểu tượng của năng lực sáng tạo. Chuông treo lơ lửng tượng trưng cho sự huyền bí của trời và đất. Hình dáng của chuông xuất phát lấy từ hình tượng vòm trời.

Ấn Độ đã biết sử dụng chuông trên 2000 năm về trước, và có lẽ chuông được sử dụng rộng rãi trong cung đình, đặc biệt trong các chùa chiền. Các hình thức nghệ thuật như điêu khắc chum chuông xuất hiện vào thời kỳ đầu của Phật giáo có thể được tìm thấy trên các bức phù điêu trên các trụ đá của vua Asoka (A-dục) và các tháp tôn trí xá-lợi của đức Phật. Không phải tại Ấn Độ mà ngay cả các nước lân cận chịu ảnh hưởng lớn nền văn hóa tư tưởng Ấn Độ như Tích Lan, Miến Điện cũng sử dụng chuông, và sau này cả trống nữa, để biểu hiện lòng thành của người cầu nguyện, và đặc biệt dùng khi chấm dứt một khóa lễ.

Trong các dịp tưởng niệm đức Phật, các chuông được sử dụng cùng với một số nhạc khí khác như trống, sáo để biểu hiện lòng tôn kính đức Phật. Tác phẩm Saddharmalankāra, một tác phẩm văn học tôn giáo thời trung đại của người Tích Lan ghi rằng: chuông được sử dụng đầu tiên ở Tích Lan vào những dịp đặc biệt như triệu tập tăng chúng. Sau này dần dần nó trở thành một phần của nghi lễ cúng dường âm nhạc ('sabda-pūjā) cho đức Phật.

Tín đồ Phật giáo Tây Tạng tin rằng khi họ niệm chú, nhờ sức quay chuông của họ mà các câu thần chú sẽ đi muôn nơi vạn hướng, làm vơi bớt nỗi đau khổ của cuộc đời. Cho nên Phật giáo Tây Tạng chế nhiều cỡ chuông cầm tay cho tín đồ trì niệm và cả những chuông lẫn lớn để tín đồ quay.

Dĩ nhiên các loại chuông trống ở Ấn Độ thuở ban đầu không giống với các loại chuông trống ngày nay ở Trung Quốc hay Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên. Ở Trung Quốc trống chỉ được sử dụng để thúc quân ra trận. Chuông (một hình thức của chiêng) được sử dụng như dấu hiệu của rút quân. Trong các buổi lễ tế giao của thiên tử không thấy đề cập đến sử dụng các loại nhạc khí này. Trống phần lớn cũng để triệu tập ba quân tướng sĩ hoặc kêu oan ở cửa quan. Loại trống này được sử dụng rộng rãi về sau trong giới quan lại để hành quyết tội nhân ở pháp đường.

---o0o---

2) Sự mâu nhiệm của tiếng Khánh

Theo như các thiền sử ghi lại qua các hành trạng của một số vị thiền sư, thì tiếng khánh có tác dụng rất lớn đối với người tu thiền. Một khi thiền giả đã vào các tầng thiền như “diệt thọ tướng định” thì dù có trời long đất lở thân tâm của vị ấy cũng bất động. Tuy nhiên, chỉ với một vài tiếng khánh nhỏ cũng đủ đánh thức các Ngài dậy. Câu chuyện Ngài Hư Vân là một điển hình, trong một cơn thiền định xuất thần kéo dài cả tuần, chư vị Hòa Thượng khác đã dùng khánh mà đánh thức Ngài xuất định.

Lời cuối, cầu chúc quý cư sĩ thân tâm thường an lạc, hăng tinh tấn làm các thiện sự và tu tập tâm của mình.

Chuông Trống Bát Nhã Có Công Dụng Gì Trong Chùa ?

Tại mỗi chùa khi cử hành lễ, trước giờ khởi sự và sau khi chấm dứt cuộc lễ đều có thỉnh chuông trống bát nhã.

Chuông trống bát nhã dùng để thỉnh Phật tổ và thỉnh chư Tăng cùng nhau hướng về điện Phật để chứng minh cho buổi lễ sắp diễn ra được thanh tịnh trang nghiêm.

Bài kệ thỉnh chuông trống bát nhã như sau :

Thỉnh Phật thượng đường
Đại chúng đồng vấn
Bát nhã âm

Nhập bát nhã ba la mật đa (đọc 3 lần)

Nghĩa là :

Thỉnh chư Phật vào chánh điện,
Xin tất cả quý vị hiện diện lưu ý

Âm vang của chuông trống bát nhã sẽ hòa nhập theo cùng với trí tuệ sáng suốt của chư Phật thành một thể tánh duy nhất.

Thường thường chuông trống bát nhã được cử lên ba hồi lúc bắt đầu cuộc lễ, nhưng khi chấm dứt có thể chỉ thỉnh một hồi và cũng đọc bài kệ như trên. Ngoài việc đón rước và đưa chư Tăng, chư Phật, Hộ Pháp..., việc đánh chuông trống bát nhã còn tượng trưng cho ý nghĩa tinh thần rất lớn là nhân tiếng chuông trống để mọi người có mặt trong giờ sắp hành lễ đều chú tâm vào việc nhiếp tâm cầu nguyện.

Thật vậy, khi nghe tiếng chuông trống bát nhã gióng lên ai nấy trong chánh điện đều đứng dậy chấp tay cầu nguyện, đồng thời tâm hồn người nghe cũng cảm thấy như lắng lặng thanh thoát. Về lịch sử, chuông trống bát nhã không do ai bày ra, nhưng Phật giáo các nước thuộc vùng Đông-Nam-Á châu đều sử dụng trống cùng một mục đích và với một ý nghĩa về tinh thần rất lớn lao vậy.

Muốn cho cuộc lễ được tươm tất và thành kính, chuông trống bát nhã không thể thiếu được lúc bắt đầu và khi chấm dứt lễ.

Tài Liệu Liên Hệ:

Pháp Khí và Pháp Phục, TT. Thích Tín Nghĩa

--- o0o ---

Hết